



C. Tình trạng khẩn cấp.

D. Nhu cầu tối thiểu.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là vai trò của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế?

A. Tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm.

B. Giảm bớt tình trạng đói nghèo.

C. Thúc đẩy khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

D. Làm cho mức thu nhập của dân cư tăng.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về quan điểm định hướng hội nhập kinh tế ở Việt Nam?

A. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện.

B. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

C. Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế.

D. Hạn chế tham gia thoả thuận thương mại quốc tế.

**Câu 14.** Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hợp lí, hiện đại thể hiện ở sự gia tăng tỉ trọng của các ngành nào trong GDP?

A. Công nghiệp và dịch vụ.

B. Công nghiệp và nông nghiệp.

C. Nông nghiệp và dịch vụ.

D. Nông nghiệp và thương mại.

**Câu 15.** Điều **không** phải là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

C. Tiến bộ xã hội.

D. Kiểm chế được sự gia tăng dân số.

**Câu 16.** Tổng thu nhập quốc dân được gọi là

A. GNP.

B. GDP.

C. GINI.

D. GNI.

**Câu 17.** Ở Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội có bao nhiêu chính sách cơ bản?

A. Bốn chính sách.

B. Ba chính sách.

C. Năm chính sách.

D. Sáu chính sách.

**Câu 18.** Nội dung nào dưới đây là vai trò của an sinh xã hội đối với đối tượng hưởng chính sách?

A. Góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

B. Phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam

C. Trợ giúp xã hội nhằm tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn cho người yếu thế, dễ bị tổn thương.

D. Đóng góp vào ổn định chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội.

**Câu 19.** Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để hưởng được bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Bảo tức.

B. Tài chính.

C. Bảo hiểm.

D. Tín dụng.

**Câu 20.** Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia phải dựa trên cơ sở

A. Lợi ích cá nhân và áp đặt rào cản thương mại.

B. Cùng có lợi và tuân thủ các quy định chung.

C. Lợi ích cá nhân và tuân thủ các nguyên tắc riêng.

D. Cùng có lợi và tuân thủ các quy định riêng.

**Câu 21.** Hệ thống các chính sách do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội nhằm nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Chính sách xã hội.

B. Trợ giúp xã hội.

C. An sinh xã hội.

D. Bảo hiểm xã hội.

**Câu 22.** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Nhiệm vụ kinh tế.

C. Phát triển kinh tế.

D. Hội nhập kinh tế.

**Câu 23.** Phát biểu nào sau đây là *sai* khi nói về ý nghĩa của hội nhập kinh tế quốc tế đối với các nước đang phát triển?

A. Tiếp cận các nguồn lực bên ngoài.

B. Rút ngắn khoảng cách phát triển.

C. Tạo ra các cơ hội việc làm.

D. Kìm hãm sự phát triển kinh tế.

**Câu 24.** Phát biểu nào sau đây là *sai* khi nói về chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam?

A. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

B. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính.

C. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài.

D. Đẩy mạnh bảo hộ sản xuất trong nước.

**Câu 25.** Trong hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác song phương là hợp tác được kí kết giữa

A. 5 quốc gia.

B. 2 quốc gia.

C. 4 quốc gia.

D. 3 quốc gia.

**Câu 26.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế phản ánh

A. Mức tăng chỉ số HDI của thời kì này so với thời kì trước.

B. Mức tăng GDP hoặc GNI của thời kì này so với thời kì trước.

C. Mức tăng GDP bình quân đầu người của thời kì này so với thời kì trước.

D. Mức tăng GNI bình quân đầu người của thời kì này so với thời kì trước.

**Câu 27.** “Sự tăng lên về thu nhập hay gia tăng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định” là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Phát triển sản xuất.

C. Tiến bộ xã hội.

D. Phát triển kinh tế.

**Câu 28.** Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

A. Người sử dụng lao động.

B. Người lao động.

C. Tổ chức bảo hiểm.

D. Người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 29.** Phát biểu nào sau đây là *sai* về vai trò của bảo hiểm?

A. Góp phần tạo công ăn việc làm trong nền kinh tế.

B. Đóng góp vào thu ngân sách nhà nước.

C. Huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

D. Gia tăng thất nghiệp trong nền kinh tế.

**Câu 30.** Một trong những vai trò của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là

A. Kích thích, điều tiết hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

B. Điều tiết quy mô sản xuất giữa các ngành trong nền kinh tế.

C. Kiểm soát, bình ổn hàng hoá, dịch vụ.

D. Cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

**Câu 31.** “Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu” là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Phát triển kinh tế.

B. Tăng trưởng kinh tế.

C. Tiến bộ xã hội.

D. Phát triển bền vững.

**Câu 32.** Từ năm 2012 - 2019, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 343 nghìn tấn gạo (cứ đói giáp hạt và nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm) cho khoảng 18,4 triệu nhân khẩu thiếu lương thực; hỗ trợ hơn 3.700 tỷ đồng để các địa phương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Theo em, việc hỗ trợ trên của Chính phủ thuộc chính sách nào của hệ thống an sinh xã hội?

A. Chính sách bảo hiểm.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

D. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐÚNG – SAI. (2 điểm)**

*(Thí sinh đọc đoạn tư liệu và lựa chọn Đúng – Sai trong mỗi ý a,b,c,d)*

**Câu 1:** Đọc thông tin sau:

*Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.*

*(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)*

- Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.
- Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.
- Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.
- Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Ông Đ đã làm việc được 6 tháng theo hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng cho một doanh nghiệp. Tuy nhiên, ông Đ và doanh nghiệp nơi ông Đ làm việc đã không tham gia và đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Khi ông Đ chẳng may bị bệnh, ông Đ phải tự chi trả toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, tiền thuốc và các dịch vụ y tế.

- Ông Đ là đối tượng tự nguyện tham gia bảo hiểm y tế.
- Việc không tham gia bảo hiểm y tế đã khiến ông Đ phải chịu chi phí y tế cá nhân cao, không có sự hỗ trợ tài chính từ bảo hiểm.
- Ông Đ và doanh nghiệp nơi ông Đ làm việc đã vi phạm quy định của Luật Bảo hiểm y tế.
- Việc đóng bảo hiểm y tế đối với người lao động là việc cần thiết nhằm chăm sóc sức khỏe, bù đắp chi phí khám chữa bệnh khi gặp rủi ro, ốm đau.

----- **HẾT** -----

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... Mã đề 632

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN. (8 điểm)**

(Thí sinh lựa chọn đáp án đúng duy nhất trong 4 đáp án ABCD)

**Câu 1.** Thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện (sức khỏe, tri thức, thu nhập) là nói đến chỉ số phát triển

- A. Quốc gia. B. Khu vực. C. Kinh tế. D. Con người.

**Câu 2.** Hệ thống các chính sách do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội nhằm nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Trợ giúp xã hội.  
C. Chính sách xã hội. D. An sinh xã hội.

**Câu 3.** Để thành lập và tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các quốc gia phải cam kết thực hiện điều gì?

- A. Tuân thủ toàn bộ các thoả ước cá nhân của mỗi bên.  
B. Tuân thủ toàn bộ các quy định toàn diện của CPTPP.  
C. Từ chối giải quyết tranh chấp đầu tư.  
D. Từ chối giải quyết trên lĩnh vực mới.

**Câu 4.** Để nâng cao chỉ số phát triển con người, nước ta đẩy mạnh sự phát triển của con người thông qua các chỉ số

- A. Sức khỏe, thông minh và dân số. B. Sức khỏe, giáo dục và thu nhập.  
C. Thông minh, dân số và giới tính. D. Giới tính, thông minh.

**Câu 5.** Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để hưởng được bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm. B. Tài chính. C. Bảo túc. D. Tín dụng.

**Câu 6.** Bảo hiểm gồm những loại hình nào sau đây?

- A. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.  
B. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hưu trí.  
C. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hưu trí.  
D. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hưu trí.

**Câu 7.** Một trong những vai trò của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là

- A. Kích thích, điều tiết hoạt động sản xuất và tiêu dùng.  
B. Cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.  
C. Kiểm soát, bình ổn hàng hoá, dịch vụ.  
D. Điều tiết quy mô sản xuất giữa các ngành trong nền kinh tế.

**Câu 8.** Từ năm 2012 - 2019, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 343 nghìn tấn gạo (cứu đói giáp hạt và nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm) cho khoảng 18,4 triệu nhân khẩu thiếu lương thực; hỗ trợ hơn 3.700 tỷ đồng để các địa phương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Theo em, việc hỗ trợ trên của Chính phủ thuộc chính sách nào của hệ thống an sinh xã hội?

- A. Chính sách trợ giúp xã hội.  
B. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

C. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

D. Chính sách bảo hiểm.

**Câu 9.** Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là

A. Tình trạng khẩn cấp.

B. Nhu cầu tối thiểu.

C. Tất yếu khách quan.

D. Quá trình đơn lẻ.

**Câu 10.** Nội dung nào dưới đây là vai trò của an sinh xã hội đối với đối tượng hưởng chính sách?

A. Trợ giúp xã hội nhằm tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn cho người yếu thế, dễ bị tổn thương.

B. Góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

C. Phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần tương thân tương ái của dân tộc

Việt Nam

D. Đóng góp vào ổn định chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội.

**Câu 11.** Điều **không** phải là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Tiến bộ xã hội.

C. Kiểm chế được sự gia tăng dân số.

D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về ý nghĩa của hội nhập kinh tế quốc tế đối với các nước đang phát triển?

A. Rút ngắn khoảng cách phát triển.

B. Kìm hãm sự phát triển kinh tế.

C. Tiếp cận các nguồn lực bên ngoài.

D. Tạo ra các cơ hội việc làm.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về vai trò của bảo hiểm?

A. Góp phần tạo công ăn việc làm trong nền kinh tế.

B. Huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

C. Đóng góp vào thu ngân sách nhà nước.

D. Gia tăng thất nghiệp trong nền kinh tế.

**Câu 14.** “Sự tăng lên về thu nhập hay gia tăng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định” là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Tiến bộ xã hội.

C. Phát triển sản xuất.

D. Phát triển kinh tế.

**Câu 15.** Tháng 01/2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức nào sau đây?

A. WTO.

B. UNICEF.

C. WB.

D. WHO.

**Câu 16.** Tổng thu nhập quốc dân được gọi là

A. GINI.

B. GNI.

C. GNP.

D. GDP.

**Câu 17.** Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hợp lí, hiện đại thể hiện ở sự gia tăng tỉ trọng của các ngành nào trong GDP?

A. Công nghiệp và dịch vụ.

B. Nông nghiệp và dịch vụ.

C. Công nghiệp và nông nghiệp.

D. Nông nghiệp và thương mại.

**Câu 18.** Trong hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác song phương là hợp tác được kí kết giữa

A. 2 quốc gia.

B. 5 quốc gia.

C. 4 quốc gia.

D. 3 quốc gia.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về quan điểm định hướng hội nhập kinh tế ở Việt Nam?

A. Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế.

B. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện.

C. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

D. Hạn chế tham gia thoả thuận thương mại quốc tế.

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là vai trò của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế?

A. Thúc đẩy khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

B. Giảm bớt tình trạng đói nghèo.

C. Tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm.

D. Làm cho mức thu nhập của dân cư tăng.

**Câu 21.** Tổng giá trị thị trường của tất cả hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời kì nhất định được gọi là

A. Tổng sản phẩm hàng hoá.

B. Tổng sản phẩm quốc dân.

C. Tổng sản phẩm sản xuất.

D. Tổng sản phẩm quốc nội.

**Câu 22.** “Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu” là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Phát triển bền vững.

C. Tiến bộ xã hội.

D. Phát triển kinh tế.

**Câu 23.** “Tổng thu nhập từ hàng hoá và dịch vụ cuối cùng do công dân của một quốc gia tạo nên trong một thời kì nhất định” là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Tổng thu nhập quốc nội.

B. Tổng thu nhập nội địa.

C. Tổng thu nhập quốc dân.

D. Tổng thu nhập quốc gia.

**Câu 24.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế phản ánh

A. Mức tăng GNI bình quân đầu người của thời kì này so với thời kì trước.

B. Mức tăng chỉ số HDI của thời kì này so với thời kì trước.

C. Mức tăng GDP hoặc GNI của thời kì này so với thời kì trước.

D. Mức tăng GDP bình quân đầu người của thời kì này so với thời kì trước.

**Câu 25.** Phát biểu nào sau đây là *sai* khi nói về chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam?

A. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài.

B. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

C. Đẩy mạnh bảo hộ sản xuất trong nước.

D. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính.

**Câu 26.** Yếu tố nào sau đây là một trong những yêu cầu tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Gia tăng dân số tự nhiên.

B. Thu hút nguồn lực trong nước.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Gia tăng khoảng cách giàu, nghèo.

**Câu 27.** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

A. Hội nhập kinh tế.

B. Tăng trưởng kinh tế.

C. Phát triển kinh tế.

D. Nhiệm vụ kinh tế.

**Câu 28.** Tổng sản phẩm quốc nội được gọi là

A. GNP.

B. GINI.

C. GDP.

D. GNI.

**Câu 29.** Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia phải dựa trên cơ sở

A. Lợi ích cá nhân và áp đặt rào cản thương mại.

B. Cùng có lợi và tuân thủ các quy định chung.

C. Cùng có lợi và tuân thủ các quy định riêng.

D. Lợi ích cá nhân và tuân thủ các nguyên tắc riêng.

**Câu 30.** Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

A. Tổ chức bảo hiểm.

B. Người lao động và người sử dụng lao động.

C. Người sử dụng lao động.

D. Người lao động.

**Câu 31.** Ở Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội có bao nhiêu chính sách cơ bản?

A. Ba chính sách.

B. Bốn chính sách.

C. Sáu chính sách.

D. Năm chính sách.

**Câu 32.** Hội nhập kinh tế quốc tế *không* được thực hiện theo cấp độ nào?

A. Cấp độ khu vực.

B. Cấp độ cá nhân.

C. Cấp độ song phương

D. Cấp độ toàn cầu.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐÚNG – SAI. (2 điểm)**

*(Thí sinh đọc đoạn tư liệu và lựa chọn Đúng – Sai trong mỗi ý a,b,c,d)*

**Câu 1:** Đọc thông tin sau:

*Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.*

*(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)*

- Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.
- Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.
- Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.
- Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Ông Đ đã làm việc được 6 tháng theo hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng cho một doanh nghiệp. Tuy nhiên, ông Đ và doanh nghiệp nơi ông Đ làm việc đã không tham gia và đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Khi ông Đ chẳng may bị bệnh, ông Đ phải tự chi trả toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, tiền thuốc và các dịch vụ y tế.

- Việc không tham gia bảo hiểm y tế đã khiến ông Đ phải chịu chi phí y tế cá nhân cao, không có sự hỗ trợ tài chính từ bảo hiểm.
- Ông Đ là đối tượng tự nguyện tham gia bảo hiểm y tế.
- Ông Đ và doanh nghiệp nơi ông Đ làm việc đã vi phạm quy định của Luật Bảo hiểm y tế.
- Việc đóng bảo hiểm y tế đối với người lao động là việc cần thiết nhằm chăm sóc sức khỏe, bù đắp chi phí khám chữa bệnh khi gặp rủi ro, ốm đau.

----- **HẾT** -----



**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I – NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**MÔN: GDKT & PL 12– THỜI GIAN LÀM BÀI 45 PHÚT**

-----

Chủ đề	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ									SỐ ĐIỂM
	NB		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		SỐ CÂU	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
<b>PHẦN 1</b>										
<b>Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế</b>	Câu 1,2,3,4,5		Câu 6,7		Câu 8,9				9	2,25
<b>Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	Câu 10,11,12,13,14,15		Câu 16,17,18,19,20		Câu 21,22				13	3,25
<b>Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội</b>	Câu 23,24,25,26,27		Câu 28,29,30,31,32						10	2,5
<b>PHẦN II</b>										
<b>Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế</b>					1				1	1
<b>Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội</b>							1		1	1
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16</b>		<b>12</b>		<b>5</b>		<b>1</b>		<b>34</b>	<b>10</b>

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**MÔN: GDKT - PL 12**

-----

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế</b>	Tăng trưởng và phát triển kinh tế	<p><b>- Nhận biết</b></p> <p>+ Nêu được khái niệm tăng trưởng và phát triển kinh tế.</p> <p>+ Kể ra được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.</p> <p><b>- Thông hiểu:</b></p> <p>+ Hiểu được vai trò tăng trưởng và phát triển kinh tế.</p> <p>+ Giải thích được mối quan hệ tăng trưởng và phát triển kinh tế.</p> <p><b>- Vận dụng:</b> Phân tích được mối liên hệ giữa Tăng trưởng và phát triển kinh tế</p>	5	2	2	0
2	<b>Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	Hội nhập kinh tế quốc tế	<p><b>- Nhận biết:</b></p> <p>+ Nêu được các khái niệm Hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>+ Kể ra được các hình thức của hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>+ Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p><b>- Thông hiểu:</b> Hiểu được sự cần thiết của việc hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p><b>- Vận dụng:</b> Chỉ ra được những việc đã làm được nhờ việc hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.</p>	6	5	3	0

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
3	<b>Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội</b>	- Bảo hiểm	- <b>Nhận biết:</b> Nêu được các khái niệm về bảo hiểm và an sinh xã hội. - <b>Thông hiểu:</b> Hiểu được vai trò của bảo hiểm và an sinh xã hội.	3	3		0
4		- An sinh xã hội	- <b>Nhận biết:</b> Nêu được các khái niệm về bảo hiểm và an sinh xã hội. - <b>Thông hiểu:</b> Hiểu được vai trò của bảo hiểm và an sinh xã hội. - <b>Vận dụng cao:</b> Liên hệ thực tế đối với việc thực hiện an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.	2	2	0	1
6	<b>Tổng</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	<b>1</b>